

Số: 01/2023/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2023

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
CÔNG VĂN BẢN
Giờ Ngày... 26/4.....
Kính chuyển..... (TĐTC).....

THÔNG TƯ

Danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng, nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước đã sản xuất được

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ:..... Ngày: 26/4/2023.....

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan; Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan; Nghị định số 57/2020/NĐ-CP

Toàn văn phụ lục tại đường link:

<https://vanbanphapluat.mpi.gov.vn/ChiTiet/pdf.7696867b-c24b-4215-9e0f-b9bd17609f1f>

ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan và Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Căn cứ Quyết định số 08/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn thực hiện Nghị định thư giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga về hỗ trợ sản xuất phương tiện vận tải có động cơ trên lãnh thổ Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 22/2022/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn thực hiện Nghị định thư (sửa đổi lần 2) Nghị định thư giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Bê-la-rút về hỗ trợ sản xuất phương tiện vận tải có động cơ trên lãnh thổ Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kinh tế công nghiệp, dịch vụ;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng, nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước đã sản xuất được.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng, nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước đã sản xuất được.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng, nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước đã sản xuất được.

Điều 2. Ban hành kèm theo Thông tư này 09 Danh mục sau

1. Danh mục phương tiện vận tải chuyên dùng trong nước đã sản xuất được (Phụ lục I);

2. Danh mục máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong nước đã sản xuất được (Phụ lục II);
3. Danh mục vật tư xây dựng trong nước đã sản xuất được (Phụ lục III);
4. Danh mục nguyên liệu, vật tư, linh kiện, phụ tùng thay thế trong nước đã sản xuất được (Phụ lục IV);
5. Danh mục linh kiện, phụ tùng xe ô tô trong nước đã sản xuất được (Phụ lục V);
6. Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư cần thiết cho hoạt động dầu khí trong nước đã sản xuất được (Phụ lục VI);
7. Danh mục nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm cho đóng tàu trong nước đã sản xuất được (Phụ lục VII);
8. Danh mục máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư, linh kiện ngành viễn thông - công nghệ thông tin, nội dung số, phần mềm trong nước đã sản xuất được (Phụ lục VIII);
9. Danh mục giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong nước đã sản xuất được (Phụ lục IX).

Điều 3. Nguyên tắc xác định, đối chiếu thông tin

1. Việc xác định hàng hóa trong nước đã sản xuất được phải căn cứ vào “Tên mặt hàng” và “Ký hiệu quy cách, đặc tính kỹ thuật”. Đối với “Mã số theo biểu thuế nhập khẩu” chỉ để tra cứu, việc xác định mã số đối với hàng hóa nhập khẩu thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.
2. Các danh mục hàng hóa quy định tại Điều 2. Thông tư là căn cứ xác định hàng hóa trong nước chưa sản xuất được và không bao gồm hết các hàng hóa khác trong nước đã sản xuất được nhưng chưa được quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 6 năm 2023.
2. Thông tư này thay thế cho Thông tư số 05/2021/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng, nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước đã sản xuất được.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kinh tế công nghiệp, dịch vụ, Thủ trưởng các cơ quan và cá nhân quy định tại Điều 1 chịu trách nhiệm thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, xem xét hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung theo quy định. *h*

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các PTT Chính phủ (đề b/c);
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện KSNDTC;
- Tòa án NDTC;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Cơ quan TW của các tổ chức, đoàn thể;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Tổng cục Hải quan, Tổng Cục thuế;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Ban Quản lý các KCN, KCX, KCNC và KKT;
- Công báo, Công TTĐT của Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Bộ KH&ĐT: Lãnh đạo Bộ, Các đơn vị thuộc Bộ KH&ĐT, Công TTĐT Bộ KH&ĐT;
- Lưu: VT, Vụ KTCNDV(NHD) *38*

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Chí Dũng